

Số: 131 /BC-UBND

Nga Sơn, ngày 18 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả xử lý nợ XDCB quý 1 năm 2020 trên địa bàn huyện Nga Sơn.

Thực hiện công văn số 772/STC-ĐT ngày 27/02/2020 của Sở Tài chính Thanh Hóa về việc tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả xử lý nợ đọng XDCB quý 1 năm 2020. UBND huyện Nga Sơn báo cáo tình hình và kết quả xử lý nợ đọng quý 1 năm 2020 như sau:

1. Kết quả triển khai chỉ đạo.

Công tác chỉ đạo điều hành trong lĩnh vực đầu tư xây dựng được UBND huyện và các ngành, các cấp đặc biệt quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công; Công văn số 3137/BKHĐT-TH ngày 22/5/2015 về việc hướng dẫn bổ sung báo cáo nợ xây dựng cơ bản. Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 25/5/2015 và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 14/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Tình hình nợ xây dựng cơ bản.

Tổng số nợ xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện Nga Sơn quý 1 năm 2020 là: 56.268 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 1.500 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách huyện: 6.583 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách xã, thị trấn: 48.185 triệu đồng

(Có danh mục kèm theo).

3. Tình hình xử lý nợ XDCB theo từng nguồn vốn.

Việc quản lý thanh toán vốn được các chủ đầu tư thực hiện cơ bản đảm bảo đúng quy định và tiến độ theo nội dung Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Việc quản lý tạm ứng và thanh toán vốn được các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện tốt công tác quyết toán dự án hoàn thành theo nội dung Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước, các dự án hoàn thành từ năm trước đã cơ bản được lập hồ sơ báo cáo quyết toán.

Công tác phân bổ nguồn vốn đầu tư được thực hiện theo tiêu chí và quyết định đầu tư đảm bảo theo cơ cấu quy định, hạn chế tối đa bố trí vốn cho dự án mới, dành

vốn thanh toán nợ đọng XDCB, thực hiện thanh toán vốn theo khối lượng hoàn thành và giải ngân chủ yếu cho khối lượng hoàn thành.

4. Các giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

- Tiếp tục tập trung thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa, chỉ đạo thực hiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực đầu tư và triển khai thực hiện nghiêm Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Tiếp tục rà soát thống kê xác định số nợ XDCB trên toàn địa bàn huyện, thống nhất về số lượng dự án công trình, số nợ cần phải thanh toán, trong đó phân theo nguồn vốn cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Xác định rõ nguyên nhân từng khoản nợ đọng trên cơ sở đó lập kế hoạch và lộ trình thanh toán hàng năm, dự kiến bố trí kế hoạch vốn để xử lý nợ đọng trong năm 2020, phấn đấu xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB theo thứ tự ưu tiên hợp lý. Cụ thể:

+ Tiếp tục chỉ đạo công tác quyết toán dự án hoàn thành để thanh toán dứt điểm một số dự án đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

+ Đôn đốc các khách hàng trúng đấu giá kế hoạch đấu giá đất nộp 100% tiền trúng đấu giá để thực hiện trích nộp ngân sách thanh toán kịp thời.

+ Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch, công tác GPMB để thực hiện 100% kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020 phấn đấu thu ngân sách từ nguồn cấp quyền sử dụng đất trên 275 tỷ đồng.

- Phân loại đối với những dự án được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước nhưng chưa bố trí đủ vốn để tiếp tục triển khai.

- Phát huy vai trò của chính quyền địa phương các cấp, các ngành để tăng cường biện pháp khai thác nguồn thu từ quỹ đất, tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

UBND huyện Nga Sơn báo cáo đề Sở Tài chính Thanh Hóa, Sở Kế hoạch – Đầu tư Thanh Hóa tổng hợp. / *umh*

Nơi nhận: *Sở D+*

- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Sở KH – ĐT Thanh Hóa
- Lưu: VT, TC-KH.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Quyết

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lấy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹						
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:						Trong đó:										
			Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách h uy ện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyệ n	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
1.6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ công Mộng Đường I xã Nga Liên huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Số 257 ngày 13/01/2020	5.355						954,85						4.400													954,85				954,8		
1.7	Trường THPT Ba Đình; Hạng mục: sửa chữa cái tạo nhà A2, A4 và xây mới nhà xe	Số 541 ngày 06/02/2020	863						363,48						500													363,48				363,5		
1.8	Trường THPT Nga Sơn; Hạng mục: Nhà công vụ, nhà bếp, nhà xe	Số 279 ngày 15/01/2020	944						443,79			443,79			500,00				500,00									443,79				443,8		
1.9	Trường THPT Mai Anh Tuấn huyện Nga Sơn. Hạng mục: Nhà để xe học sinh	Số 276 ngày 15/01/2020	415						115,33			115,33			300,00				300,00									115,33				115,3		
1.10	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu kênh đi bệnh huyệnNga Sơn. Hạng mục: Nền mặt đường, vỉa hè	Số 281 ngày 15/01/2020	847						446,78			446,78			400,00				400,00									446,78				446,8		
1.11	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu kênh đi bệnh huyệnNga Sơn. Hạng mục: rãnh thoát nước	Số 277 ngày 15/01/2020	884						284,04			284,04			600,00				600,00									284,04				284,0		
1.12	Di chuyển đường dây 35KV lộ 373E94-9.4 và đường dây 0,4KV dọc kênh Hưng Long thị trấn Nga Sơn	Số 282 ngày 15/01/2020	684						0,00			0,00			684,30				684,30									0,00				0,0		
1.13	Tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Nga Sơn huyện Nga Sơn đến năm 2030	Số 258 ngày 13/01/2020	698						198,28			198,28			500,00				500,00									198,28				198,3		
1.14	Sửa chữa nhà làm việc khuôn viên UBND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Số 278 ngày 15/01/2020	2.858						1157,85			1157,85			1700,00				1700,00									1157,85				1157,9		
2	Dự án do cấp xã quản lý		259.817	7.620	24.731	23.158	193.618	6.469	49.685	0	1.500	0	48.185	0	128.086	197.139	7.620	23.231	22.208	155.293	0	0	0	0	0	0	0	49.685	0	1.500	0	48.185	0	
2.1	Xã Nga Thăng		4.417	0	1.989	1.100	1.328	0	347	0	0	0	347	0	3.639	4.070	0	1.989	1.100	981	0	0	0	0	0	0	0	347	0	0	0	347	0	
	Nâng cấp Đường đồng núi Sến đi xã Ba Đình Nga Sơn - Thanh Hóa	1179/QĐ- UBND ngày 16/4/2019	1.209			1.000	209		9				9		950	1.200			1.000	200		0						9				9		
	Nạo vét hệ thống kênh mương hạng mục núi trại đi gà nại	2544/QĐ- UBND ngày 22/7/2019	526		500		26		15				15		500	511		500		11		0						15				15		
	Nạo vét hệ thống kênh mương hạng mục gò cháy đi đồng chợ	2543/QĐ- UBND ngày 22/7/2019	502		489		13		13				13		489	489		489										13				13		
	Nạo vét hệ thống kênh mương hạng mục cống ông Giag thôn 2 đi ngã 4 thôn 4	2542/QĐ- UBND ngày 22/7/2019	613		500		113		16				16		500	597		500		97								16				16		
	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học hạng mục: Sân trường, tường rào, sân thể thao	5513/QĐ- UBND ngày 17/12/2020	773		500		273		100				100		600	673		500		173		0						100				100		

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹					
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Tổng số	Trong đó:					Tổng số		Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số	Trong đó:					NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác			NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách h uyệ n	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyệ n	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	
				NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã																										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học hạng mục: Tường rào xây mới, sân nền	162/QĐ-UBND ngày 20/12/2020	794			100	694		194				194		600	600			100	500							194				194		
2.2	Xã Nga Thái		15.532	0	0	0	15.532	0	8.311	0	0	0	8.311	0	4.661	5.661	0	0	0	7.221	0	0	0	0	0	0	0	8.311	0	0	0	8.311	
	Hạ tầng khu dân cư phía nam kênh giáp An Thái	6012/QĐ- UBND ngày 31/12/2019	12.172				12.172		7.511				7.511		4.661	4.661				4.661							7.511				7.511		
	Cầu Thái bình qua kênh An Thái	182/QĐ- UBND ngày 31/12/2019	3.360				3.360		800				800		0	1.000				2.560							800				800		
2.3	Xã Nga Thiện		2.857	0	0	0	2.857	0	1.259	0	0	0	1.259	0	0	0	0	0	0	1.598	0	0	0	0	0	0	1.259	0	0	0	1.259	0	
	Trường Tiểu học xã Nga Thiện- Hạng mục Cải tạo nhà lớp học cũ thêm 02 phòng, bổ sung nhà lớp học 02 tầng, 04 phòng	153/QĐ- UBND ngày 30/12/2017	2.857				2.857		1.259				1.259							1.598							1.259				1.259		
2.4	Xã Nga Trường		9.969	0	3.500	0	0	6.469	1.906	0	0	0	1.906	0	0	8.382	0	3.500	0	4.882	0	0	0	0	0	0	0	1.906	0	0	0	1.906	
	cải tạo nghĩa trang làng đợng xã Nga Trường	31 ngày 11/11/2018	2.985					2.985	1.652				1.652			1.652				1.652							1.652				1.652		
	Trung tâm văn hóa xã Nga Trường	1754 ngày 18/06/2019	6.984		3.500			3.484	254				254			6.730		3.500		3.230							254				254		
2.5	Xã Nga Thanh		20.998	0	1.103	5.800	14.095	0	11.495	0	0	0	11.495	0	8.003	8.003	0	1.103	5.800	1.100	0	0	0	0	0	0	11.495	0	0	0	11.495	0	
	Trạm y tế xã Nga thanh	Số 1944/03/08/ 2017	3.632			1.800	1.832		732				732		2.900	2.900			1.800	1.100							732				732		
	CT TT VH sân văn hóa	Số 1963/19/07/ 2018	4.338			500	3.838		2.338				2.338		500	500			500								2.338				2.338		
	CT sửa chữa trường tiểu học	Số 846/26/03/2 019	996			500	496		496				496		500	500			500								496				496		
	CT XD mương thoát nước đi đường tỉnh lộ 524 ngang xóm 6 xã nga thanh	Số 517/25/02/2 019	580			500	80		80				80		500	500			500								80				80		
	CT XD trường trung học cơ sở xã nga thanh	Số 1170/12/04/ 2019	3.523			2.500	1.023		1.023				1.023		2.500	2.500			2.500								1.023				1.023		
	Hệ thống mương thoát nước xóm 4 xã nga thanh	Số 187/23/02/2 016	2.145		1.103		1.042		1.042				1.042		1.103	1.103		1.103									1.042				1.042		
	CT đường vào sân vận động xã	số 55 ngày 29/09/2018	902				902		902				902		0												902				902		
	CT Phụ trợ đường vào sân vận động xã	số 58 ngày 28/09/2018	1.159				1.159		1.159				1.159		0												1.159				1.159		
	Sửa chữa bếp ăn trường MN	Số 135 ngày 27/12/2018	843				843		843				843		0												843				843		
	Đương giao thông rãnh thoát nước xóm 3	số 73 ngày 15/08/2018	606				606		606				606		0												606				606		
	Sửa chữa trường tiểu học	số 69 ngày 10/07/2018	974				974		974				974		0												974				974		
	XD nghĩa trang	số 98 ngày 26/10/2018	1.300				1.300		1.300				1.300		0												1.300				1.300		
2.6	Xã Nga An		1.399	0	0	0	1.399	0	98	0	0	0	98	0	1.301	1.301	0	0	0	1.301	0	0	0	0	0	0	98	0	0	0	98		
	Tuyển từ sau ông Mão đi cửa Hùng X2; L=396,2m	164 ngày 8/8/2019	616				616		18				18		598	598				598							18				18		

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB							Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB							Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn							Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹						
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:										
			Tổng số	Trong đó:					NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		Tổng số		NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh		Ngân sách h huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		
				NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác																													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34				
	Tuyến kênh tưới từ ông Hùng đi X2; L= 618m	205a ngày 28/11/2018	783				783		80				80		703	703				703								80					80				
2.7	Thị trấn Nga Sơn		22.403	0	0	0	22.403	0	5.001	0	0	0	5.001	0	0	17.402	0	0	0	17.402	0	0	0	0	0	0	0	5.001	0	0	0	5.001	0				
	Sửa chữa cải tạo sân đường, xây mới vườn cỏ tích và nhà Hiệu bộ trưởng Mầm Non	Số 208/ngày 30/11/2019 của CT.UBND Thị trấn Nga Sơn	3.661,8				3.661,8									2.434,1												1.227,7					1.227,7				
								1.227,7					1.227,7							2.434,1																	
	ĐGT. 3 tuyến đường GTND		1.049,4				1.049,4		99,4				99,4			950,0				950,0								99,4					99,4				
	ĐGT từ Ngõ ông Tuấn xóm 8 lên Nghê nhĩ		1.064,3				1.064,3		334,3				334,3			730,0				730,0								334,3					334,3				
	Kênh Mương nội đồng Tuyến 1 và tuyến 10		919,4				919,4		160,4				160,4			759,0				759,0								160,4					160,4				
	ĐGT Tuyến 3 tuyến từ mương lát xóm 2 xuống đường Mã cổ		581,3				581,3		147,3				147,3			434,0				434,0								147,3					147,3				
	Kênh mương Tuyến 2 bà Hạnh xóm 6 ra đường mương lát nội đồng		890,6				890,6		235,6				235,6			655,0				655,0								235,6					235,6				
	Kênh mương Tuyến 4 từ mã cổ xóm 1 đến mã châu xóm 6		919,4				919,4		160,4				160,4			759,0				759,0								160,4					160,4				
	ĐGT tuyến từ đường cái Nga mỹ đi Nga thanh xuống đồng nhà Chi Nga hưng		1.057,1				1.057,1		217,1				217,1			840,0				840,0								217,1					217,1				
	Chỉnh trang, Cải tạo Nghĩa trang Đồng công		568,2				568,2		113,2				113,2			455,0				455,0								113,2					113,2				
	Kênh mương tuyến 2 đoạn 1 kênh lát tây Sánh xóm 2 và tuyến 2 đoạn 2 kênh vườn đường xóm 6 vào rọc cánh sung xóm 7, tuyến 3 kênh mã cổ vào cánh sung xóm 6		1.017,2				1.017,2		77,2				77,2			940,0				940,0								77,2					77,2				
	Kênh mương tuyến 1 đoạn 1 kênh tiêu ao ông Phát đến cống Thái hòa		1.096,7				1.096,7		51,7				51,7			1.045,0				1.045,0								51,7					51,7				
	Kênh mương tuyến 1 đoạn 2 kênh tiêu ao ông Phát đến cống Thái hòa		834,3				834,3		44,3				44,3			790,0				790,0								44,3					44,3				
	Tường rào khu nghĩa trang Đồng công		946,6				946,6		193,1				193,1			753,5				753,5								193,1					193,1				
	Tường rào, Đường giao thông khu nghĩa trang Đồng công		976,0				976,0		74,9				74,9			901,1				901,1								74,9					74,9				
	Tường rào, Cổng phụ khu nghĩa trang Đồng công		975,4				975,4		60,9				60,9			914,5				914,5								60,9					60,9				
	Tường bao Đình thượng và trường Trung học		1.150,3				1.150,3		177,3				177,3			973,0				973,0								177,3					177,3				
	ĐGT từ đường cái Nga mỹ đi Nga thủy xuống mương lát đội cơ xóm 6		1.101,2				1.101,2		122,7				122,7			978,5				978,5								122,7					122,7				

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹					
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán							Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:											
			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:										
				NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác			Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Các nguồn vốn khác	Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách h uyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	ĐGT Tuyến 4 nhà ông Kế xóm 4 đi đường nhựa xóm 3 và tuyến 5 từ nhà bà Cầu Vinh xóm 7 nối đường ông Hải x5		1.091,8				1.091,8		161,8					161,8		930,0				930,0							161,8				161,8		
	Mương tiêu Tuyến 1 từ trường Mầm non đến trạm Y tế, tuyến 2 nhà ông Thành xóm 5 ra đia, Tuyến 3 ngõ nhà Thành xóm 5 xuống tây nhà Tới		637,5				637,5		137,5					137,5		500,0				500,0							137,5				137,5		
	ĐGT từ Cánh sung đến mã Châu xóm 6		698,3				698,3		38,3					38,3		660,0				660,0							38,3				38,3		
	ĐGT từ đường nhựa Nga mỹ đi Nga thanh đến đường bê tông đồng anh Hóa thôn Trung bắc 1.539,84m		1.165,9				1.165,9		1.165,9					1.165,9		0,0											1.165,9				1.165,9		
2.8	Xã Nga Thủy		10.184	2.500	1.000	0	6.684	0	122	0	0	0	122	0	0	10.062	2.500	1.000	0	6.562	0	0	0	0	0	0	122	0	0	0	122	0	
	dự án chợ trung tâm xã Nga Thủy.Kiot chợ và nhà vệ sinh	Số 43/QĐ-UBND ngày 21/4/2018	1.135				1.135		16				16			1.119				1.119							16,0				16,0		
	dự án chợ trung tâm xã Nga Thủy: hạ tầng kỹ thuật	Số 42/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	1.072				1.072		15				15			1.057				1.057							15,0				15,0		
	dự án đường từ xóm 1 xã Nga Th đi xã Nga Thanh	Số 1429/QĐ-UBND ngày 15/6/2018	1.181		1.000		181		41				41			1.140		1.000		140							41,0				41,0		
	Dự án cải tạo sửa chữa trường cấp 1 và cấp 2 xã Nga Thủy	Số 25/QĐ-UBND ngày 10/02/2019	934				934		30				30			904				904							30,0				30,0		
	dự án nhà làm việc 3 tầng công sở	Số 2946/QĐ-UBND ngày 23/10/2017	5.862	2.500			3.362		20				20			5.842	2.500			3.342							20,0				20,0		
2.9	Xã Nga Thạch		3.301	0	0	0	3.301	0	1.420	0	0	0	1.420	0	0	1.881	0	0	50	1.831	0	0	0	0	0	0	1.420	0	0	0	1.420		
	Đường dọc kênh chống mỹ Phương Phú	Số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2019	1.107				1.107		162				162			945			50	895							162				162		
	Đường dọc kênh chống mỹ Thanh Lăng	Số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2019	1.239				1.239		353				353			886				886							353				353		
	Cải tạo trường THCS	Số 150/QĐ-UBND ngày 25/12/2019	955				955		905				905			50				50							905				905		
2.10	Xã Nga Phú		17.131	900	1.900	0	14.331	0	892	0	0	0	892	0	0	16.239	900	1.900	0	13.439	0	0	0	0	0	0	892	0	0	0	892	0	

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹									
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Tổng số	Trong đó:					Tổng số		Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:									
			Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST TW		Ngân sách tỉnh	Ngân sách h uyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyệ n	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34				
	Sân Văn hoá xã (nát nền sân khấu)	số 16 ngày 16/2/2015	151				151		19				19			132				132							19						19				
	Đường giao thông Nội đồng	số 140 ngày 31/12/2017	1.461				1.461		233				233			1.228				1.228							233						233				
	Trường Tiểu học CS 2	số 69 ngày 19/9/2018	2.561				2.561		80				80			2.481				2.481							80						80				
	Đường đỏ thành giả	số 14 ngày 13/3/2017	358				358		43				43			315				315							43						43				
	Đường Văn Đức Mai An Tiêm	số 93 ngày 22/5/2017	1.486				1.486		108				108			1.378				1.378							108						108				
	Trạm y tế xã	2410 ngày 30/8/2018	3.912	900	1.060		1.952		61				61			3.851	900	1.060		1.891							61						61				
	Nhà hiệu bộ trường THCS	số 75 ngày 19/9/2018	2.671		480		2.191		78				78			2.593		480		2.113							78						78				
	Tu sửa Trụ sở UBND xã nhà 2 tầng	số 70 ngày 19/9/2018	822		360		462		31				31			791		360		431							31						31				
	Tu sửa trường Tiểu học	73 ngày 19/9/2018	474				474		31				31			443				443							31						31				
	Cải tạo khuôn viên THCS	71 ngày 19/9/2018	915				915		88				88			827				827							88						88				
	Mở rộng mặt đường, vỉa hè trước UBND	74 ngày 19/9/2018	855				855		60				60			795				795							60						60				
	Cải tạo khuôn viên ao UBND xã	72 ngày 19/9/2018	690				690		56				56			634				634							56						56				
	Di chuyển đường dây 10kv	86 ngày 2/11/2018	775				775		4				4			771				771							4						4				
2.1 1	Xã Nga Tân		2.309	0	0	0	2.309	0	259	0	0	0	259	0	2.050	2.050	0	0	0	2.050	0	0	0	0	0	0	259	0	0	0	0	259	0				
	Đường ra bến cá Tuyền 3+4	Số 365/QĐ- UBND ngày 22/4/2015	1.154				1.154		154				154		1.000	1.000				1.000							154						154				
	Đường bao nghĩa trang xóm 4	Số 38/QĐ- UBND Ngày 21/5/2018	691				691		31				31		660	660				660							31						31				
	Các công trình phụ trợ sân VHTT	Số 89/QĐ- UBND Ngày 18/12/2019	464				464		74				74		390	390				390							74						74				
2.1 2	Xã Nga Giáp		6.116	0	0	400	5.716	0	783	0	0	0	783	0	5.333	5.333	0	0	0	5.333	0	0	0	0	0	0	783	0	0	0	0	783	0				
	Hệ thống thoát nước TT xã- Làng Ngoại	Số 4533 ngày 25/12/2017	808			400	408		219				219		589	589				589							219						219				
	Cầu bắc qua kênh nội 4	Số 3615 ngày 04/10/2019	834				834		13				13		821	821				821							13						13				
	Khuôn viên sân công sở, cầu qua ao	Số 3614 ngày 04/10/2019	4.276				4.276		353				353		3.923	3.923				3.923							353						353				
	Xây tường rào tây trường Tiểu học	Số 04 ngày 29/01/2018	198				198		198				198		0	0				0							198						198				
2.1	Xã Nga Hải		10.080	0	772	500	8.808	0	1.407	0	0	0	1.407	0	0	618	0	772	500	7.401	0	0	0	0	0	0	1.407	0	0	0	0	1.407	0				

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹					
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Tổng số	Trong đó:					Tổng số		Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số	Trong đó:					NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác			NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	
				NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã																										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	Công trình: Cổng thoát nước thuộc tuyến đường giao thông từ xã Nga Liên vào UBND xã	Số 4513/QĐ-UBND ngày 05/12/2018	950		520		430		332				332			618		520		98							332				332		
	Đường giao thông từ xã Nga Liên qua các thôn Hải lộc Trung Tiến vào UBND xã	Số 4864/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	518		252		266		183				183					252		83							183				183		
	Hạ tầng khu dân cư tây đường Quốc lộ 10 xã Nga Hải	Số 1362/QĐ-UBND ngày 08/05/2019	383				383		33				33							350							33				33		
	Công trình đường giao thông xã Nga Hải Từ UBND xã đi trường Tiểu Học	Số 91/QĐ-UBND ngày 11/9/2019	1.556				1.556		180				180							1.376							180				180		
	Công trình đường giao thông tuyến 2 (giai đoạn 2) hạng mục: Vía hè cây xanh	Số 92/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của chủ tịch UBND xã Nga Hải	980				980		39				39							941							39				39		
	Công trình: Trường THCS xã Nga Hải hạng mục: nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Số 3280/QĐ-UBND ngày 23/9/2019	3.889			500	3.389		576				576					500	2.813								576				576		
	Công trình đường giao thông tuyến 2 (giai đoạn 2) Hạng mục nền mặt đường và thoát nước	Số 87/QĐ-UBND ngày 30/8/2019	1.804				1.804		64				64							1.740							64				64		
2.1 4	Xã Nga Yên		10.230	0	1.960	0	8.270	0	370	0	0	0	370	0	0	9.860	0	1.960	0	7.900	0	0	0	0	0	0	0	370	0	0	0	370	0
	HT kênh AT xóm 9,10 HM: tuyến kênh 19 đi cống Đa Văn		790		210		580		37				37			753		210		543							37				37		
	HT kênh AT xóm 9,10 HM: tuyến Ao đa quý đi kênh chim, Mặt trăng đi cây Sung xóm 10		791		150		641		42				42			749		150		599							42				42		
	HT kênh AT xóm 9,10 HM: tuyến Ô vị đi Mỏ xóm 10 , từ Mả bán đi kênh chim		957		210		747		48				48			909		210		699							48				48		

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹						
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán							Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số	Trong đó:							NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã			Các nguồn vốn khác	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Các nguồn vốn khác	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Các nguồn vốn khác	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác
				NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác																										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
	HT kênh AT xóm 9,10 HM: tuyến Nam kênh đi kênh chim		799		210		589		39				39			760		210		550							39					39		
	HT kênh AT xóm 9,10 HM: Tuyến từ tỉnh lộ 527 đi ngõ Ô Vù		845		210		635		37				37			808		210		598							37					37		
	HT kênh AT xóm 9,10 HM: Ngõ ô Vù đi ô Phượng Loan		391		100		291		11				11			380		100		280							11					11		
	Vùng rau AT xóm 9+10 tuyến máng ca đi kênh 19 phía tây giáp mương xây cũ		724		210		514		34				34			690		210		480							34					34		
	Vùng rau AT xóm 9+10 tuyến máng ca đi kênh 19 phía đông giáp Ao xã Nga Yên		660		196		464		31				31			629		196		433							31					31		
	Vùng rau AT xóm 9+10 tuyến kênh từ đường Tỉnh lộ 527B đi bãi rác xóm 8 Nga Yên		1.020		464		556		49				49			971		464		507							49					49		
	Cầu bắc qua kênh 19		436				436		29				29			407		0		407							29					29		
	Rãnh nước phía đông và VS mặt bằng khu DC Yên Ninh- TL 527		2.817				2.817		13				13			2.804		0		2.804							13					13		
2.15	Xã Nga Văn		34.552	0	3.638	2.350	28.564	0	4.865	0	0	0	4.865	0	29.713	29.087	0	3.638	1.750	23.699	0	0	0	0	0	0	0	4.865	0	0	0	0	4.865	
	Nhà Văn Hóa xã	Số72A/QĐ- UBND ngày 28/12/2015	2.545				2.545		1.085				1.085		1.460	1.460				1.460							1.085					1.085		
	Công sở	Số2839/QĐ- UBND ngày 8/10/2018	5.380			1.750	3.630		290				290		5.090	5.090			1.750	3.340							290					290		
	XD nhà điều trị trạm Y tế	Số72B/QĐ- UBND ngày 28/12/2015	1.895				1.895								1.895	1.895				1.895							0					0		
	Cải tạo khuôn viên tương đài L.sỹ năm 2016	Số14/QĐ- UBND ngày 18/07/2019	343				343		157				157		186	186				186							157					157		
	Đường bê tông xóm 1+3		1.141				1.141		183				183		958	958				958							183					183		
	Đường GT tây sân VHTT	Số18/QĐ- UBND ngày 09/07/2019	242				242		57				57		185	185				185							57					57		
	Trường Tiểu học		1.716		1.299		417		15				15		1.701	1.701			1.299	402							15					15		
	Trường THCS (2tầng 6 phòng)		1.235		986		249		205				205		1.030	1.030			986	44							205					205		
	Trường THCS (2tầng 8 phòng)		1.685		1.353		332		13				13		1.672	1.672			1.353	319							13					13		
	Đường cầu thồ - gò Bình		1.113				1.113		313				313		800	800				800							313					313		

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹									
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:								
			Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã			Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách h uy ện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyệ n	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34				
	Đường xóm 9 đi đường núi Sến	Số18a/QĐ- UBND ngày 30/09/2019	1.400				1.400		84				84		1.316	1.316			1.316								84					84					
	Đường gò Bình đi đập ông Trù 206m		279				279		79				79		200	200			200								79					79					
	XD nghĩa trang Mã Khánh	Số22/QĐ- UBND ngày 30/10/2019	1.060				1.060		175				175		970	885			885								175					175					
	XD nghĩa trang Mã Song	Số17/QĐ- UBND ngày 22/09/2019	1.060				1.060		154				154		905	906			906								154					154					
	Rãnh thoát nước ngã ba Xa Loan đi trạm Y tế		1.172			600	572		372				372		800	200			200								372					372					
	Sân TTVHTT		4.028				4.028		128				128		3.900	3.900			3.900								128					128					
	Đường GT khu Xuân Tiến		901				901		78				78		822	823			823								78					78					
	Đường GT khu Văn Tiến		661				661		13				13		647	648			648								13					13					
	Đường GT khu Hoàng Tiến		197				197		42				42		156	155			155								42					42					
	Kênh Miếu		736				736		32				32		704	704			704								32					32					
	+ Kênh Hoàng Tiến, Văn Tiến, Xuân Tiến		1.994				1.994		638				638		1.356	1.356			1.356								638					638					
	Kênh thượng lưu cầu máng		428				428		25				25		403	403			403								25					25					
	Kênh tây xuân tiến		371				371		32				32		338	339			339								32					32					
	Cổng rãnh đường giao thông		1.115				1.115		183				183		875	932			932								183					183					
	Đường cấp khối Đường Xuân Đài đi Đồng Bạt; ô Dùng đi đập ô Nắng xóm 9 và tuyến ụ Mậu Nga Thắng đi đường gò tre	Số18b/QĐ- UBND ngày 30/09/2019	894				894		278				278		616	616			616								278					278					
	Đường cấp khối gò tre, gò Chang-kênh Hưng Long, ô Văn, ông Cát đi kênh Văn Thắng và Tr.Trại anh Thắng đi kênh Văn Thắng	Số16/QĐ- UBND ngày 09/09/2018	961				961		234				234		728	727			727								234					234					
2.1 6	Xã Nga Thành		6.006	0	0	0	6.006	0	2.202	0	0	0	2.202	0	0	3.804	0	0	0	3.804	0	0	0	0	0	0	0	2.202	0	0	0	2.202					
	Nâng cấp cải tạo nhà văn hoá	Số 25/QĐ -UB 18/02/2015	1.698,9				1.698,9		862				862			837			837								862					862,2					
	Đường của hữu trước UBND	Số164/QĐ - UB 28/12/2016	1.418,6				1.418,6		375				375			1.043			1.043								375					375,3					
	Cải tạo nghĩa trang má lớn	Số30/QĐ - UB 22/5/2019	1.230,5				1.230,5		311				311			920			920								311					310,8					
	Đường từ cổng Trung thành cấp 1	Số 35/QĐ - UB 30/5/2019	1.432,1				1.432,1		628				628			804			804								628					628,2					
	Cổng của 7 làng văn hóa thôn	Số 36/QĐ - UB 30/5/2019	225,8				225,8		26				26			200			200								26					25,8					

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB							Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB							Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹					
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:								
			Tổng số	Trong đó:					NST W	Trong đó:					NST W		Trong đó:				NST TW	Trong đó:					NST TW	Trong đó:							
				NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã			Các nguồn vốn khác	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện				Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	NS TW			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác			NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyệ n	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34		
2.1 7	Xã Nga Phương		24.790	0	0	0	24.790	0	1.187	0	0	0	1.187	0	23.602	23.602	0	0	0	23.602	0	0	0	0	0	0	0	1.187	0	0	0	1.187			
	Đường GTNT xã Nga Nhân. Hạng mục: Cầu bôn b=4,4m qua kênh N6	Số 150 / QĐ ngày 25 / 05 / 2018	260,54				260,54		60,54				60,54		200,00	200,00				200,00								60,54				60,54			
	Cải tạo, sửa chữa trường THCS	Số 256/ QĐ - UBND ngày 20/ 10/ 2018	190,54				190,54		19,00				19,00		171,54	171,54				171,54								19,00				19,00			
	Công trình khu kinh tế phía nam chợ sy	3675 /QĐ-UBND ngày 09/10/2019	10.429				10.429		0,00				0,00		10.429	10.429				10.429								0,00				0,00			
	Công sở UBND xã Nga Nhân. Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy nhà làm việc 3 tầng	Số 75 / 20 / 02 / 2018	280,01				280,01		39,01				39,01		241,00	241,00				241,00								39,01				39,01			
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phát triển kinh tế phía nam chợ Sy xã Nga Nhân. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật điện.	2545/QĐ-UBND ngày 22/7/2019	4.653,13				4.653,13		0,03				0,03		4.653,10	4.653,10				4.653,10								0,03				0,03			
	- Xây dựng công trình trạm y tế xã Nga Nhân	Số 407/QĐ ngày 25 / 01 / 2019	3.321,63				3.321,63		176,03				176,03		3.145,60	3.145,60				3.145,60								176,03				176,03			
	Sửa chữa cải tạo trường Mầm Non xã Nga Nhân. Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo phòng lớp học , sân vườn xây dựng nhà vệ sinh, xây dựng sân khấu ngoài trời.	Số 220/QĐ-UBND ngày 24 / 11 / 2019	653,36				653,36		181,26				181,26		472,10	472,10				472,10								181,26				181,26			
	Chi cải tạo, sửa chữa các hạng mục năm 2017	Số 75/ 20/4 / 2019	163,22				163,22		19,22				19,22		144,00	144,00				144,00								19,22				19,22			
	Trường Mầm Non xã Nga Nhân. Hạng mục: Sửa chữa cải tạo nhà lớp học, tường rào, sân vườn. Xây dựng nhà bảo vệ, nhà để xe.	Số 217/QĐ-UBND Ngày 24 / 11 / 2019	939,63				939,63		30,93				30,93		908,70	908,70				908,70								30,93				30,93			
	Trường Mầm Non xã Nga Nhân. Hạng mục: Sửa chữa cải tạo nhà lớp học, tường rào, sân vườn, bồn hoa.	Số 218QĐ-UBND Ngày 24 / 11 / 2019	371,07				371,07		13,27				13,27		357,80	357,80				357,80								13,27				13,27			
	Đường GTNT xã Nga Nhân. Hạng mục: Tuyến đường từ thôn 4 đến thôn 5	Số 219QĐ-UBND Ngày 24 / 11 / 2020	471,75				471,75		24,46				24,46		447,29	447,29				447,29								24,46				24,46			
	Đường GTNT xã Nga Nhân. Hạng mục: Tuyến đường thôn 5	Số 221 / QĐ - UBND ngày 24 / 11 /2019	639,07				639,07		27,71				27,71		611,36	611,36				611,36								27,71				27,71			
	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Hạng mục: Nhà lớp học, nhà thư viện sân trường cổng tường rào.	Số 141- QĐ - UBND ngày 10/8/2019	912,98				912,98		124,98				124,98		788,00	788,00				788,00								124,98				124,98			

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹							
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Tổng số	Trong đó:					Tổng số		Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
			Tổng số	Trong đó:					NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác			Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách h huyện		Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyệ n	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác
				NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Các nguồn vốn khác																												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34		
	Cải tạo nâng cấp trường THCS. Hạng mục: Nhà lớp học, nhà thư viện sân trường công tường rào.	Số 140 / QĐ ngày 10/8/2019	1.149,40				1.149,40		449,40				449,40		700,00	700,00				700,00								449,40				449,40			
	San gạt phụ lề đường dọc tuyến đường tỉnh lộ 524, quốc lộ 10, ngà văn hóa thôn 1	Số 70/26/4/201 9	278,58				278,58		10,58				10,58		268,00	268,00				268,00								10,58				10,58			
	Duy tu bảo dưỡng đường xã Nga Nhân năm 2018 Hạng mục: lông lề đường	Số 50/QĐ- UBND 16/3/2019	75,94				75,94		10,94				10,94		65,00	65,00				65,00								10,94				10,94			
2.1 8	Xã Ba Đình		23.891	3.500	7.869	2.900	5.401	0	5.526	0	1.500	0	4.026	0	18.365	18.365	3.500	6.369	2.900	5.596	0	0	0	0	0	0	0	5.526	0	1.500	0	4.026			
	Xây dựng trạm y tế		5.395			1.900			695				695		4.700	4.700			1.900	2.800							695				695				
	Công trình công sở hội trường văn hóa đa năng	Số 187/QĐ- UBND ngày 15/01/2020	17.401	3.500	7.500	1.000	5.401		4.742,00		1.500		3.242,00		12.659,00	12.659	3.500	6.000	1.000	2.159							4.742,00		1.500		3.242,00				
	Hệ thống thoát nước và đường từ trung tâm xã đi Mỹ Khê, Văn Chùa xã Ba Đình		1.095,00		369,00				89,00				89,00		1.006,00	1.006		369		637							89,00				89,00				
2.19	Xã Nga Vịnh		9.096,00	0,00	0,00	5.008,0	4.088,00	0,00	654,00	0,00	0,00	0,0	654,00	0,00	8.442,00	8.442,00	0,00	0,00	5.008	3.434,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	654,0	0,00	0,00	0,00	654,00				
	Công sở xã Nga Vịnh	1991(25/7/2 018)	5281			3250	2031		61			0	61		5220	5220			3250	1970					0		61			0	61				
	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Nga Vịnh; Hạng mục: Đoạn từ cống ông cương đi cầu máng đường bên năm	1255(06/5/2 019)	1154			340	814		290			0	290		864				340	524					0		290			0	290				
	Trường THCS xã Nga Vịnh; Hạng mục: Nhà vệ sinh học sinh, tường rào, san nền	81(21/5/201 9)	568				568		20			0	20		548					548					0		20			0	20				
	Nạo vét đắp bờ kênh đất trên địa bàn xã	4835(25/12/ 2019)	2093			1418	675		283			0	283		1810				1418	392					0		283			0	283				
2.2 0	Xã Nga Trung		16.409,0	0,0	400,0	5.100,0	10.909,0	0,00	1.296,00	0,00	0,00	0,00	1.296,00	0,00	15.113,00	15.113,0	0,0	400,0	5.100	9.613,0	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	1.296,00	0,00	0,00	0,00	1.296,00				
	Trường THCS nhà hiệu bộ	294 1- 23/10/2017	2.801,0			1.000,0	1.801,0		92,00				92,00		2.709,00	2.709,00			1.000	1.709,00							92,00				92,00				
	Công sở nhà làm việc 3 tầng	2326 - 28/8/2018	7.007,0		400,0	3.100,0	3.507,0		179,00				179,00		6.828,00	6.828,00		400,00	3.100	3.328,00							179,00				179,00				
	ĐGT tuyến 1 xóm 8; tuyến 2 x5,6,7	46 - 31/10/2016	986,0				986,0		25,00				25,00		961,00	961,00				961,00							25,00				25,00				
	Cổng qua đường ngõ thuận đi x 3, 4, 6, 9	25- 16/06/2017	158,0				158,0		36,00				36,00		122,00	122,00				122,00							36,00				36,00				
	Cản tạo, sửa chữa trường THCS	05 - 23/01/2017	1.133,0				1.133,0		173,00				173,00		960,00	960,00				960,00							173,00				173,00				
	Nghĩa trang đồng môm 1,2,3 San nền, và đường giao thông	54 - 12/7/2019	829,0				829,0		169,00				169,00		660,00	660,00				660,00							169,00				169,00				
	Nghĩa trang đồng môm 1,2,3 Tường rào	53 - 12/7/2019	1.050,0			800,0	250,0		250,00				250,00		800,00	800,00			800,00								250,00				250,00				

ST T	Danh mục dự án, chương trình (hoặc hạng mục công trình)	Quyết định phê duyệt quyết toán							Số nợ đọng XDCB						Tổng số vốn đã bổ trí đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bổ trí để thanh toán nợ đọng XDCB						Số nợ đọng XDCB chưa được bổ trí vốn						Dự kiến kế hoạch vốn thanh toán hết nợ đọng XDCB sau thời điểm báo cáo ¹					
		Số QĐ ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán					Trong đó:								Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số	NS TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác		Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		Các nguồn vốn khác	Tổng số	NST W	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách xã	Các nguồn vốn khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	Nghĩa trang mã châu 4,5 San nên, và đường giao thông	52 - 12/7/2019	887,0			200,0	687,0		113,00				113,00		774,00	774,00			200,00	574,00							113,00				113,00		
	Nghĩa trang mã châu 4,5 Tường rào	51 - 12/7/2019	1.068,0				1.068,0		218,00				218,00		850,00	850,00				850,00							218,00				218,00		
	Mương và cống		149,0				149,0		24,00				24,00		125,00	125,00				125,00							24,00				24,00		
	Bãi tập kết rác, kê đá hộc, rãnh thoát nước nghĩa trang	40 - 17/5/2019	341,0				341,0		17,00				17,00		324,00	324,00				324,00							17,00				17,00		
	Xã Nga Bạch		8.148,00	720,00	600,00	0,00	6.828,00	0,00	284,00	0,00	0,00	0,00	284,00	0,00	7.864,00	7.864,00	720,00	600,00	0,00	6.544,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	284,00	0,00	0,00	0,00	284,00		
	Đường GT thô 6,5,4 đi chợ cá	152 29/12/2017	662,00	200,00			462,00		112,00				112,00		550,00	550,00	200,00			350,00							112,00				112,00		
	Sân vận hóa xã	632 04/8/2015	1.746,00				1.746,00		13,00				13,00		1.733,00	1.733,00				1.733,00							13,00				13,00		
	Kênh tiêu ông giáng đi cống kiểm thìn	151 29/12/2017	1.044,00	520,00			524,00		16,00				16,00		1.028,00	1.028,00	520,00			508,00							16,00				16,00		
	Đường GT ngoài HR trang trại 1	378 13/3/2014	607,00		600,00		7,00		7,00				7,00		600,00	600,00		600,00		0,00							7,00				7,00		
	Đường nghĩa địa X 1,9,5	25 06/02/2015	779,00				779,00		19,00				19,00		760,00	760,00				760,00							19,00				19,00		
	Kiến cổ hóa KM trạm bơm	74 20/05/2016	883,00				883,00		24,00				24,00		859,00	859,00				859,00							24,00				24,00		
	Đường khu D cư lỏ 2 QL 10	667 18/12/2014	328,00				328,00		8,00				8,00		320,00	320,00				320,00							8,00				8,00		
	Kênh nối tiếp UB đi cống cầu đình x7	77 01/06/2016	210,00				210,00		22,00				22,00		188,00	188,00				188,00							22,00				22,00		
	Đường x5 đi nghĩa trang	136 30/11/2017	320,00				320,00		5,00				5,00		315,00	315,00				315,00							5,00				5,00		
	Bãi rác thải trung chuyển	147 01/12/2017	99,00				99,00		2,00				2,00		97,00	97,00				97,00							2,00				2,00		
	Công trình phụ trạm y tế	137 31/12/2018	493,00				493,00		21,00				21,00		472,00	472,00				472,00							21,00				21,00		
	Đường tỉnh lộ 524 đi dong thọ cao	134 31/12/2018	378,00				378,00		19,00				19,00		359,00	359,00				359,00							19,00				19,00		
	Đường ao lai đến cống 4 cửa	135 31/12/2018	599,00				599,00		16,00				16,00		583,00	583,00				583,00							16,00				16,00		